

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2019

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Nguyễn Ngọc Tãi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TL.ST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị T, trú tại số 277 ấp Thuận Thành B, xã TA, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

ĐKTT: Số 252A, ấp XM C, thị trấn RG, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt

2. Bị đơn: Nguyễn Minh T1 (Be)

Địa chỉ: Số 252A, ấp XM C, thị trấn RG, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T1 thông qua mai mối đã đi đến hôn nhân vào năm 2007, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 2016, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, ông T1 đã nhiều lần hăm dọa giết bà. Đến nay bà xác định không còn tình cảm với ông T1, không tìm được giải pháp để hàn gắn nên bà xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh T2 (nữ) sinh ngày 31/8/2012, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Minh T1 vắng mặt không rõ lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T1 và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1. Về con chung giao cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Minh T2 (nữ) sinh ngày 31/8/2012, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung và tài sản chung không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh T1 do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T1, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay cố tình vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông T1 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà T cho rằng giữa bà và ông T1 có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, ông T1 nhiều lần hăm dọa giết bà nên bà xác định không thể chung sống được nữa. Ông T1 dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần vẫn không đến Tòa án tham gia dự phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn quan hệ tình cảm, cho thấy ông T1 không xem trọng cuộc hôn nhân này. Xét thấy, hôn nhân giữa ông T1 và bà T đã ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T khai có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh T2 (nữ) sinh ngày 31/8/2012, cháu T2 hiện đang sống với bà T, ông T1 không đến Tòa án để thể hiện ý chí về việc dành quyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà T. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T1 không phải cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T2 (nữ) sinh ngày 31/8/2012 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0018671 ngày 17/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND thị trấn RG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên